

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày: 16/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thanh Bình**

Bà **Phạm Hồng Gái**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020. Tại trụ sở TAND huyện Hòn Đất, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 03/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1991.

HKTT, chỗ ở hiện nay: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh T

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê

Trình độ học vấn: Lớp 5/12.

Họ và tên cha: Võ Văn A (không xác định được họ tên, năm sinh cụ thể).

Họ và tên mẹ: Võ Thị Đ (đã chết)

Anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1987, bị cáo là người con nhỏ nhất trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

- Ông **Phạm Văn Q**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K.

- Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K.

2.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K.

- Ông **Thái Văn B**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Khoảng 06 giờ ngày 10/8/2020, Nguyễn Hồng P đi đến nhà anh Lê Quang H (sinh năm 1990, ngụ tại ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K) để cắt lúa thuê cho anh H. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, P đến nhà anh H Nng do anh H không có ở nhà nên P ghé vào nhà người quen là anh Phạm Văn Q (sinh năm 1987, ngụ tại ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K) để chơi và uống rượu với anh Q. Sau khi uống hết 01 lít rượu, anh Q ra phòng khách nằm ngủ còn P nằm ngủ trên võng sau nhà bếp. Khoảng 30 phút sau, P thức dậy và nhìn thấy một điện thoại hiệu Samsung Galaxy J4 Core (điện thoại của vợ anh Q là chị Nguyễn Thị Hồng N) đang sạc pin để trong hộp bánh bằng kim loại trên bàn ở nhà bếp. P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên đã lén lút lấy trộm điện thoại giấu vào túi quần. Sau đó P đi ra trước nhà và phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 67N3-5308 của anh Q đang đậu cặp đường đan còn chìa khóa cắm trên ổ khóa không có người trong coi. P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này bán lấy tiền tiêu sài nên đã điều khiển xe mô tô 67N3-5308 chạy đến tiệm thu mua phế liệu của bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1965, ngụ tại ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K) và bán xe của anh Q cho bà T với số tiền 500.000 đồng. Sau khi bán xe xong, P tiếp tục đi tìm nơi bán điện thoại di động đã trộm cắp. Trên

đường đi, P mở ốp lưng điện thoại di động phát hiện bên trong ốp lưng có 202.000 đồng, P lấy số tiền này bỏ vào túi quần. P đã đi đến ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K và ghé vào cửa hàng điện thoại di động của anh Thái Văn B bán điện thoại đã trộm cắp với số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi có tiền từ việc bán được tài sản đã trộm cắp, P đã tiêu sài cá nhân số tiền 1.030.000 đồng, cụ thể trả tiền xe 30.000 đồng và trả tiền quán nh 1.000.000 đồng. Sau đó, P bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ. Quá trình điều tra, P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá số 27/KLĐGTS ngày 17/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hòn Đất đã kết luận giá trị của điện thoại di động Samsung Galaxy J4 Core là 1.300.000 đồng, giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 67N3-5308 là 3.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKS-HĐ ngày 28/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng P về tội: “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hồng P về tội danh và điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P mức án từ **06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng** tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận Cơ quan điều tra – Công an huyện Hòn Đất đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn Q 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J4 Core; 01 xe mô tô biển kiểm soát số 67N3-5308 (theo Quyết định xử lý vật chứng số 13/QĐ-CSĐT ngày 10/9/2020) và số tiền 202.000 đồng (theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ-CSĐT ngày 10/9/2020).

Đối với số tiền 355.000 đồng còn lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã tạm nộp vào kho bạc Nhà nước huyện Hòn Đất. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị Hồng N đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình điều tra bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Hồng P bồi thường số tiền 500.000 đồng, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/11/2020 bà T không yêu cầu bị cáo P bồi thường số tiền này. Nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn B yêu cầu Nguyễn Hồng P bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng P đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh B. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường cho anh Thái Văn B theo thỏa thuận tại phiên tòa. Khấu trừ đi số tiền 355.000 đồng bị cáo P còn phải nộp thêm số tiền 645.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bị cáo có ý kiến: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ.

Người bị hại anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị Hồng N có ý kiến: Chúng tôi đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn B có ý kiến: Yêu cầu Nguyễn Hồng P bồi thường số tiền 1.000.000 đồng và xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng N tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo Nguyễn Hồng P phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 10/8/2020 tại ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K, Nguyễn Hồng P đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bao gồm 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J4 Core trị giá 1.300.000 đồng, 01 xe mô tô biển kiểm soát 67N3-5308 trị giá 3.300.000 đồng (theo bản kết luận định giá số 27/KL-ĐGTS ngày 17/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hòn Đất) và số tiền 202.000 đồng của gia đình anh Phạm Văn Q, tổng cộng 4.802.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng P đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. N kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hồng P đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, với thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý tài sản bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài. Bản thân bị cáo lười lao động, tư lợi muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác và sự sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để bị cáo chiếm đoạt tài sản, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo, giáo dục chung cho xã hội và cần thiết cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không tình tiết tăng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng có nhân thân tốt.

Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét về nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Ghi nhận Cơ quan điều tra – Công an huyện Hòn Đất đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn Q 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J4 Core; 01 xe mô tô biển kiểm soát số 67N3-5308 (theo Quyết định xử lý vật chứng số 13/QĐ-CSĐT ngày 10/9/2020) và số tiền 202.000 đồng (theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ-CSĐT ngày 10/9/2020).

Trả lại cho anh Thái Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 355.000 đồng hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã tạm nộp vào kho bạc Nhà nước huyện Hòn Đất.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị Hồng N đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình điều tra bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Hồng Phong bồi thường số tiền 500.000 đồng, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/11/2020 bà T không yêu cầu bị cáo P bồi thường số tiền này. Xét ý kiến của bà Huỳnh Thị T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Thái Văn B yêu cầu Nguyễn Hồng P bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với bản kết luận định giá của Hội đồng định giá và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan,

nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện. Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Hồng P có trách nhiệm bồi thường cho anh Thái Văn B số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Khấu trừ đi số tiền 355.000 đồng bị cáo P còn phải nộp thêm số tiền 645.000 đồng.

[10] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng P phải chịu án hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hồng P** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử Phạt: Bị cáo **Nguyễn Hồng P 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/8/2020.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Ghi nhận Cơ quan điều tra – Công an huyện Hòn Đất đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn Q 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J4 Core; 01 xe mô tô biển kiểm soát số 67N3-5308 (theo Quyết định xử lý vật chứng số 13/QĐ-CSĐT ngày 10/9/2020) và số tiền 202.000 đồng (theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ-CSĐT ngày 10/9/2020).

Trả lại cho anh Thái Văn B số tiền 355.000 đồng còn lại hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã tạm nộp vào kho bạc Nhà nước huyện Hòn Đất.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị Hồng N đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T không yêu cầu bị cáo P bồi thường số tiền 500.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng P có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn B số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Khấu trừ đi số tiền 355.000 đồng. Bị cáo còn phải nộp thêm số tiền 645.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hồng P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS H.Hòn Đất;
- Chi cục THADS H.Hòn Đất;
- Công an H.Hòn Đất;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Sở Tư Pháp;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

Cao Quốc Chiến